

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2010/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10, ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lệ phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP, ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP, ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC, ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2010/TT-BTC, ngày 26 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND, ngày 03 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Báo cáo thẩm tra số 48/BC-HĐND, ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua quy định mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức; hộ gia đình, cá nhân khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức được uỷ quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

2. Mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã trực thuộc tỉnh:

- Cấp mới: 50.000 đồng/giấy.

- Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 25.000 đồng/lần cấp.

- Trường hợp Giấy chứng nhận cấp cho hộ gia đình, cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất):

 - + Cấp mới: 25.000 đồng/giấy.

 - + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần cấp.

b) Đối với tổ chức:

- Cấp mới: 500.000 đồng/giấy.

- Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 50.000 đồng/lần cấp.

- Trường hợp Giấy chứng nhận cấp cho tổ chức chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng.

3. Miễn lệ phí:

a) Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP, ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ Quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành (ngày 10 tháng 12 năm 2009) mà có nhu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận.

b) Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất) đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố hoặc thị xã trực thuộc tỉnh, cụ thể:

- Hộ nghèo (theo quy định chuẩn nghèo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành).

- Người có công với cách mạng:

 - + Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;

 - + Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng Tám năm 1945;

- + Gia đình Liệt sĩ;
- + Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- + Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động;
- + Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- + Bệnh binh;
- + Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
- + Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- + Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
- + Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Thân nhân của người có công với cách mạng quy định tại người có công với cách mạng nêu trên.

- Đồng bào dân tộc thiểu số thuộc đối tượng theo quy định tại Nghị định số 134/2004/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

c) Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có hộ khẩu tại các phường thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp Giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp thu lệ phí được sử dụng 30% (ba mươi phần trăm) số tiền thu lệ phí để chi phí phục vụ cho công tác thu; 70% (bảy mươi phần trăm) số tiền thu lệ phí còn lại cơ quan, đơn vị trực tiếp thu phải nộp vào ngân sách Nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

5. Việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 97/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và thay thế Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2010/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức giá các loại đất trên địa bàn các huyện,
thị xã Buôn Hồ và thành phố Buôn Ma Thuột**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ, Nghị định số 123/2007/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tính định cư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC, ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Liên Bộ: Tài nguyên và Môi trường và Tài chính, hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 114/TTr-UBND, ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh, công bố, áp dụng trong năm 2011; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND, ngày 02 tháng 12 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua nghị quyết về quy định mức giá đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh, công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, cụ thể như sau:

1. Giá đất ở tại đô thị và nông thôn: Mức giá cao nhất là 38.000.000 đồng/m²; mức giá thấp nhất: 16.000đồng/m².

(Giá cụ thể như 15 bảng phụ lục kèm theo)

2. Giá đất phi nông nghiệp (ngoài đất ở, đất nghĩa trang, nghĩa địa): Tính bằng 70% so với giá đất ở tại vị trí liền kề được quy định tại Khoản 1 điều này;

3. Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa: Giá đất được xác định bằng giá đất nông nghiệp của hạng đất liền kề, trường hợp liền kề nhiều hạng đất thì tính theo giá đất hạng cao nhất.

4. Giá đất cho thuê tại Khu công nghiệp Hoà Phú, thành phố Buôn Ma Thuột: 60 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột: 70 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp Ea Đar, huyện Ea Kar: 45 đồng /m²/ năm; Cụm công nghiệp Krông Búk 1, huyện Krông Búk: 45 đồng/m²/năm; Cụm công nghiệp huyện Ea H'Leo: 35 đồng/m²/năm; cụm Công nghiệp Cư Kuin, huyện Cư Kuin: 40 đồng/m²/năm (mức giá đất cho thuê trên chưa bao gồm chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng).

5. Giá đất nông nghiệp:

a) Giá đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) có mức giá từ 6.000đồng/m² đến 16.000đồng/m² tương ứng với từng hạng đất theo quy định.

Giá đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) tại các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được tính bằng 2,5 lần so với giá đất nông nghiệp cùng hạng;

Giá đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) tại các phường thuộc thị xã Buôn Hồ, thị trấn các huyện và các xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được tính bằng 2 lần so với giá đất nông nghiệp cùng hạng;

Đối với đất sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở thuộc khu dân cư không được công nhận là đất ở) nằm xen kẽ trong khu dân cư nông thôn thuộc các xã ở các huyện, thị xã được tính bằng 1,5 lần so với giá đất sản xuất nông nghiệp cùng hạng.

b) Giá đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có mức giá từ 4.000đồng/m² đến 6.000đồng/m² tương ứng với từng vị trí đất. Đối với đất ao, hồ nằm xen kẽ trong khu dân cư tại đô thị và nông thôn nhưng không được công nhận là đất ở thì giá đất được tính bằng 1,5 lần so với mức giá đất sản xuất nông nghiệp hạng cao nhất.

c) Giá đất lâm nghiệp có mức giá từ 1.200đồng/m² đến 4.000đồng/m² tương ứng với từng loại đất. Đối với đất lâm nghiệp nằm trong các phường thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, các phường thuộc thị xã Buôn Hồ và thị trấn các huyện được tính bằng 1,5 lần mức giá trên tương ứng với từng vị trí đất.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể cho từng vị trí phù hợp theo từng hạng đất.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh giá đất, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và thay thế Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII, kỳ họp thứ 13 về giá đất trên địa bàn tỉnh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Niê Thuật